

## Phẩm 5: THẾ GIỚI HOA TẠNG

(Hết hội thứ nhất, phần đầu Phẩm Danh Hiệu Như lai).

- Sở câu: “Bản tiếng Phạm gọi đầy đủ là”: Là phần giải thích tên của Phẩm. Tiếng Phạm gọi: Câu-Tô-ma (Hoa) Đa-la (Tạng) Nhiêu kha (Trang nghiêm) A-lăng-già (Vật dùng để trang nghiêm) Lỗ-ca-đà-đô (Thế giới) Tam-mâu-đạt-la (Hải) Bát-lý-thâu-đà (Thanh tịnh biển hiện khắp) Cụ-năng (Công đức) Tam-mâu-đạt-la (Hải) A-la-bà (trên) Sa (Quang minh) Bát-lý-vật-đa (Phẩm). Ở đây gọi đủ là: “Phẩm Hoa Tạng trang nghiêm với vật dùng trang nghiêm nơi Thế giới Hải thanh tịnh biển hiện khắp, với ánh sáng nơi công đức hải”. Văn nơi bản Sở giải có bốn phần:

Một: Nêu tên theo tiếng Phạm.

Hai: Từ câu: “Dịch giả ngại nhiều chữ” tiếp xuống: Là bàn rộng về chỗ nghĩa được giải thích.

Ba: Từ câu: “Bản tiếng Phạm gọi là” tiếp xuống: Là giải thích về gốc tiếng Phạm ở trước.

Bốn: Từ câu: “Căn cứ nơi Sự thì có thể như thế”: Là xét kỹ về nguồn gốc. Chẳng làm cách giải thích này đâu thể hiểu hết nguyên do xuất hiện của “Sát Hải”.

Câu: “Ba là Tông Thú”: Là phần ba, bàn về Tông, Thú của Phẩm.

Nói “Lại có mười đức”: Tức như Phẩm trước đã nêu dẫn về bốn văn.

- Sở câu: “Một là biện minh về Nhân Quả tự Thể của Hoa Tạng”: Là phần một trong ba phần thuộc phần Giải thích văn. (Hai phần sau là: Hai là biện minh về sự an bố trang nghiêm của Tạng Hải. Ba là, nêu rõ về đối tượng được duy trì chỗ sai biệt của lưới cõi.)

Nhưng nơi phần hai là biện minh về sự an bố (sắp đặt bày biện) trang nghiêm cũng là nói về Tướng của Quả. Cho nên đối với Quả để phân Nhân, gồm lại có hai đoạn:

Một là biện minh về Nhân của cõi.

Hai làm sáng tỏ về Tướng của Quả.

Do trong đoạn thứ nhất phần văn xuôi đã nêu đủ Nhân Quả. Nơi phần kệ đã cùng nêu rõ về Nhân Quả, nên hợp nơi Nhân, thuộc về Tự Thể.

- Sở từ câu: “Tức là chỉ rõ Sát Hải này là bốn sư của ta” tiếp xuống “Là bàn về tính chất sâu rộng của nhân. Văn nơi bản Sở giải gồm hai:

Một: Giải thích chung về kinh văn.

Hai: Tùy theo chỗ khó mà giải thích riêng.

Một: Số câu: “Chẳng phải chỉ là Phật Thích Quán, Thích Ca v.v...”

Tức nơi Luận Câu Xá, quyển thứ mười tám nói:

*“Nơi ba vô số kiếp*

*Đều cúng dường bảy vạn*

*Lại theo đầy cúng dường*

*Năm sáu bảy ngàn Phật*

*Mãn ba vô số kiếp*

*Ngược thứ gặp Thích Quán*

*Phật Nhiên Đăng, Bảo kế*

*Đầu Thích Ca Mâu Ni”.*

**Giải thích:** Trong hai kệ này, kệ một nêu rõ về việc cúng dường các đức Phật. nghĩa là, trong vô số kiếp thứ nhất đã cúng dường bảy vạn năm ngàn Phật. Nơi vô số kiếp thứ hai đã cúng dường bảy vạn sáu ngàn Phật. Vô số kiếp thứ ba cúng dường bảy vạn bảy ngàn Phật. Bài tụng sau ý nêu rõ việc cúng dường các Phật nào.

Nói “Nghịch thứ” (Ngược với thứ lớp) tức là từ vô số kiếp thứ ba hướng về trước để biện minh. Tức là mãn vô số kiếp thứ ba được gặp Phật Thích Quán. Mãn vô số kiếp thứ hai được gặp Phật Nhiên đăng. Mãn vô số kiếp thứ nhất được gặp Phật Bảo Kế. Thời kỳ đầu tiên phát tâm thì được gặp Phật Thích Ca Mâu Ni, phát thệ nguyện: “Nguyện tôi sẽ được làm Phật, hoàn toàn như đức Thế Tôn hiện nay. Đức Phật Thế Tôn kia, khi xuất hiện ở thế gian vào kiếp sau cùng, chánh pháp an trụ một ngàn năm. Nay, tôi là Như Lai, mỗi mỗi đều giống như đức Phật kia”. Cho nên hiện tại bản Số giải đã viết như thế.

Nói “Chẳng phải chỉ là Phật Thích Quán”: Là nêu lên trường hợp vị Phật được gặp khi mãn Vô số kiếp thứ ba.

Nói “Phật Thích Ca”: Là nêu lên vị Phật được gặp trong thời kỳ đầu.

Mà nói “Vân vân” (trong câu Phật Thích Quán, Thích Ca v.v...) thì có ba nghĩa:

Một: Vân vân là chỉ cho Phật Nhiên Đăng, Bảo Kế.

Hai: Vân vân là chỉ cho số lượng Phật đã cúng dường.

Ba: Vân vân là chỉ về chỗ biện minh của các Giáo khác.

Ví như nói “Cúng dường ba mươi sáu hằng sa, ba mươi tám hằng sa Phật v.v..., đều chưa đủ để gọi là nhiều.

- Sở Câu: “Chẳng những chỉ làm nghiêm tịnh nơi một pháp Vô sinh”.

Như Trí Luận viết: “Dùng năm cành hoa cúng dường Phật Nhiên Đăng, đạt được pháp Nhẫn Vô sinh. Cho nên kinh Kim Cương có đoạn: “Nếu có một ít pháp có thể đạt được thì Phật Nhiên Đăng đã không thọ ký cho ta v.v...”

Vì không có pháp nào có thể đạt được là tướng Vô sinh.

Mà nói “Vân vân” (đẳng) là chỉ cho các pháp môn khác. Phần tụng của Luận Câu Xá nêu:

*“Chính do bi thí khắp  
Bị nhục tâm không giận  
Tán dương Phật Để Xa  
Tiếp Vô thượng Bồ đề  
Sáu Ba-la-mật đà  
Nơi bốn vị như thế  
Một hai lại một hai  
Tuần tự tu viên mãn.”*

**Giải thích:** Bốn câu của phần đầu tức là bốn quả vị. Vị thứ nhất viên mãn một pháp là bố thí khắp thành Đàn Ba-la-mật. Vị tiếp theo viên mãn hai pháp tức là Thi và Nhẫn. Bị hủy nhục không đáp trả nên có thể viên mãn được Thi Ba-la-mật. Do trong tâm không giận nên thành tựu nơi Nhẫn. Trong vị thứ ba chỉ viên mãn một độ là tinh Tấn Ba-la-mật. Nơi vị thứ tư thì cả Định, Tuệ cùng viên mãn. Cho nên gọi là: “Một, hai lại một hai”

Nói “Để sa”, đây gọi là Viên mãn. Kệ tán Phật có câu:

*“Trời đất cõi này, bậc đa văn.  
Rời cung chốn trời, mười phương không  
Trượng phu, Ngưu vương, đại Sa môn  
Tìm nơi núi rừng, không gì hơn” ...  
“Bảy ngày bảy đêm quên ... cho đến  
Một bước khen để sa  
Nên vượt hơn Di Lặc  
Chín kiếp thành Phật trước”.*

Trong Trí Luận cũng đồng với thuyết này. Cho nên sáu độ viên mãn, trước sau chẳng nhiều. Nay, kinh nêu, nơi mỗi mỗi chốn Phật đều dốc tu với nguyện lớn nhiều như số vi trần nơi Thế giới Hải hưởng chi nhiều Phật, nhiều kiếp ư? Nên văn nơi bản Sở giải kết luận: “Do ba lớp nêu trên nên gọi là sâu rộng”.

- Số từ câu: “Nhưng Luận Du Già, Luận Khởi Tín” tiếp xuống:

Là phần thứ hai tùy theo chỗ khó mà giải thích riêng. Tức là lại giải thích về ba A-tăng-kỳ. Căn cứ nơi ba Thừa, một Thừa dùng để thông hợp.

Nói “Bao quát chung mười phương”: Tức là đối nơi nghi thức giáo hóa của một phương nêu trên mà nói.

“Cùng cảnh giới về cây cối, hình tướng v.v...”: Là đối hợp với một loại thế giới nêu trên. Vả lại, như một kiếp của thế giới Sa-bà thì nơi cõi An dưỡng chỉ là một ngày. Thế giới An dưỡng trải qua ba mươi số ngày thì nơi cõi Cà Sa Tràng chưa qua hết một năm. Huống chi đối với các cõi càng về sau thì dùng kiếp làm ngày. Vì thế chẳng thể lấy một phương một loại này để xác định đối với vô số lượng kiếp khi thành Phật.

Hai là Cõi khác loại, tức ở nơi một cõi liền có đủ các cõi, đều chẳng cùng thấy nhau. Thời, kiếp cũng khác, thì đâu rõ được dài ngắn. Cho nên “Nặng sớm mai còn chẳng biết về đầu tháng cuối tháng, huống là biết về mùa Xuân mùa Thu ? Huống nữa là đối với thọ mạng của cây Đại thủy ?”

Nói “Kinh Bảo Vân”, tức kinh ấy có đoạn viết: “Thiện nam ! Bồ tát chẳng thể tư duy bàn luận về cảnh giới của Như Lai. Cảnh giới của Như Lai là chẳng thể nghĩ bàn, chỉ vì hàng chúng sinh thiểu cận mà nói về ba A-tăng-kỳ tu tập đạt được đạo quả Bồ đề. Nhưng thật sự thì từ khi phát tâm trở đi chẳng thể tính kể về số lượng”.

Đại sư Hiền Thủ giải thích: “Chẳng thể tính kể tức là chẳng thể tính kể về vô số A-tăng-kỳ”. Trong sách “Nghĩa Phân tề” (tức tác phẩm “Hoa Nghiêm Nhất Thừa Nghĩa Phân Tề Chương” của đại sư Hiền Thủ) viết: “Ba A-tăng-kỳ theo Thủy giáo chẳng giống với mười nơi mười số của Tiểu Thừa. Đây tức là số lượng càng gấp gấp lên.” Nhưng nói một trăm kiếp tu tập về tương tốt v.v... thì Luận đại Trí Độ đã đả phá sự tu tập riêng về tướng tốt ấy, chẳng chấp thuận ngoài ba A-tăng-kỳ có sự tu tập riêng. Tức là ý của Thật giáo. Tuy nhiên, ý của Thật giáo tự có hai nghĩa:

Một: Xác định. Ba A-tăng-kỳ là nghi thức giáo hóa của một phương. Lại là Phật thật. Luận Khởi Tín viết: “Hoặc chỉ rõ siêu vượt các địa mau thành chánh giác. Do vì hàng chúng sinh yếu kém, nên hoặc nói Như Lai, ở nơi vô lượng A-tăng-kỳ kiếp tu tập sẽ thành tựu Phật đạo. Do vì chúng sinh biếng trễ, kiêu mạn, nên có thể thị hiện vô lượng phương tiện chẳng thể nghĩ bàn như thế. Nhưng thật sự thì căn

trí chủng tánh của Bồ tát là bình đẳng, phát tâm thì bình đẳng, đối tượng được chứng đắc cũng như nhau, không có pháp nào vượt hơn” do tất cả Bồ tát đều trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp nên ở đây là sự xác định.

Hai: Chẳng định. Phần này gồm hai ý:

Thứ nhất: Là chung cho loại thế giới khác, như Thắng Thiên Vương nói: “Tức chính là các cõi “Thọ Hình” (Hình tướng cây cối)”.

Thứ hai: Căn cứ vào đức thật vô hạn của Phật, như kinh Bảo Vân đã nêu.

Nếu là Luận Du Già nói thì có hai thứ vô số kiếp:

Một: Như ngày đêm, nửa tháng, một tháng cùng với các phương tiện để hiển bày thời vô lượng.

Hai: Như cách thường nêu bày.

Nếu dựa theo nghĩa một thì trải qua vô lượng kiếp. Còn như dựa nơi nghĩa hai thì chỉ là ba A-tăng-kỳ kiếp.

Nhưng dựa nơi cách giải thích này thì chẳng giống với kinh Bảo Vân. Kinh Bảo Vân chẳng nói “Vì chúng sinh thiếu cận mà nêu giảng về đại kiếp. Vì bậc thù thắng sâu xa thì nói về Nhật nguyệt kiếp”. Rõ biết là ý khác nhau. Vậy thì Luận Du Già cũng chỉ là chỗ thuyết giảng thích hợp của một phương.

- Số từ câu: “Lại nữa, Thời không khác với Thế” tiếp xuống: Là nói về tính chất thâm tóm dung thông theo Nhất Thừa Biệt giáo. Như Tiên nhân Tỳ Mục cầm lấy tay đồng tử Thiện Tài thì thời gian trải qua là nhiều kiếp, mà nơi chốn cũng trải rộng đến vô biên, nên không thể dùng tư duy dài ngắn để phân định. Nếu nhằm hiển bày chỗ thù thắng siêu vượt, thì một đời tức khắc viên mãn. Còn như căn cứ nơi chỗ hết mực sâu xa thì nhiều kiếp chẳng cùng. Cho nên gọi là “chẳng có thể chấp giữ cố định, quý ở chỗ là hội nhập nơi chốn huyền diệu”.

- Số câu: “Thứ hai, từ câu: “Các Phật tử” tiếp xuống: Là đoạn hai làm rõ về Thế Tướng của Quả”: Văn nơi bản Số giải gồm bốn phần:

Một: Nói về chỗ sinh khởi của Tướng chung

Hai: Làm rõ về phần lượng kia.

Ba: Giải thích, nhận xét về kinh văn.

Bốn: Bàn về tính chất chung riêng nơi nghĩa đã sử dụng.

- Số từ câu: “Nhưng đối tượng được nương tựa là dung lượng của cõi” tiếp xuống: Là phần hai, làm rõ về phần lượng kia.

Nói: “Sự hóa hiện lớn nhỏ”: Như kinh Phạm Võng nói về một ngàn hoa xoay vòng, trên ấy lại hiện ra ngàn Phật Thích Ca; tức là sự hóa hiện lớn. Nơi một hoa có trăm ức nước, một cõi nước có một Phật

Thích Ca, tức là sự hóa hiện nhỏ. Sự hóa hiện nhỏ thì chỉ một cõi gồm bốn châu thiên hạ. Sự hóa hiện lớn thì bao gồm chung cả trăm ức.

Câu: “Vả như dựa nơi một Tướng”: Tức lại dựa nơi một thứ nghĩa về Tướng, chẳng hủy hoại chỗ biểu thị của biên vực. Ngoài hoa sen thì riêng có Phật Sát Hải v.v. Thật thì xứng hợp với Tánh, bề rộng thì chẳng thể kiếm tìm, nên gọi là “Pháp giới không sai biệt”. Nếu dùng Tánh dung hợp Tướng, thì trong một vi trần có vô lượng pháp giới.

- Số từ câu: “Tuy vậy, dựa theo chỗ hiển bày riêng tiếp dưới” tiếp xuống: Là phần ba giải thích, nhận xét về kinh văn.

Nói: “Nên có mười sự” Là dùng văn để giải thích rộng về mười sự. Trong đó, phần văn xuôi đã nêu bày tóm lược. Là do bậc cổ đức ở trong một Phẩm, trước phân ra nhân của Cõi, dựa trong tướng của Quả, tức làm mười đoạn. Nay không dựa theo đấy, do sáu sự sau đều có phần văn xuôi và kệ tụng. Nhưng bốn sự trước chỉ toàn là văn xuôi, nên chia thành mười đoạn, thì đối với văn chẳng thuận tiện.

Nên trước phân làm ba. Ở trong phần thứ nhất là một Tự Thể của Hoa Tạng, nội dung của phần văn xuôi mới ra làm bốn:

- Số từ câu: “Nhưng Nhân của Cõi kia” tiếp xuống: Là phần bốn, biện minh về tính chất chung riêng nơi nghĩa đã sử dụng.

Nói “Đã thấy rõ văn nêu trên”: Tức trong phần nêu lên đủ về nhân duyên, nghĩa chung để nhận biết, nên chỉ rõ tướng riêng nơi phần trưng dẫn.

- Số câu: “Lực của gió duy trì từ xa”: Xưa có hai cách giải. Trong ấy một cách cho rằng một lớp Phong Luân duy trì một lớp sự vật. Văn nơi bản Sở giải đã dựa nơi Phẩm Xuất Hiện nói đến mười lớp Phong Luân giữ lấy cõi Dục và Cõi Sắc, đều là sự duy trì từ xa. Nay thì lần lược xác định.

- Số từ câu: “Đối tượng được duy trì là Hương Hải” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải có hai cách giải thích:

Một: Căn cứ nơi Sự để giải thích.

Hai: Từ câu “Lại, Tạng Thức gọi là Hải” tiếp xuống: Là căn cứ theo chỗ biểu thị. Phần này lại gồm hai:

Một là căn cứ theo chúng sinh.

Hai là, từ câu: “Lại nữa, Phật Tánh gọi là nước” tiếp xuống: Là căn cứ chung cả Phật và chúng sinh.

Phật tánh tức là Chân Pháp tánh. Cho nên nơi phẩm này, Hải thứ nhất biểu thị ba nghĩa. Nay chỉ nêu lên hai, lược bớt không nói về Bi. Câu “Kinh đại Niết-bàn cũng nói: Như có người lãnh hội mùi hương”

tức thuộc nơi quyển thứ bảy, đến phẩm Vấn Minh sẽ nêu dẫn đầy đủ.

- Số từ câu: “Lại, chỗ xuất phát muôn hạnh” tiếp xuống Trên là căn cứ nơi Sự để giải thích. Đây là căn cứ nơi pháp được biểu thị. Chỉ thông hợp nơi Tướng để biểu thị Hành. Nếu nêu bày riêng thì lược nêu mười đức để biểu thị cho mười độ:

Một: Nở ra tươi đẹp, dùng để biểu thị cho Thí độ (Bố thí Ba-la-mật).

Hai: Tự tánh không nhiễm, biểu thị cho Giới độ.

Ba: Mùi hương tỏa ra thơm ngát.

Bốn: Thân cành vững chắc.

Năm: Cánh hoa báu đều đặn, hài hòa.

Sáu: Nhụy báu như cờ phướn tỏa sáng.

Bảy: Tướng khéo thành tựu.

Tám: Hàm chứa hạt giống hoa sen.

Chín: Đài báu luôn đứng vững.

Mười: Ánh sáng phóng khắp.

Tám đức sau (từ đức ba đến đức mười) theo như thứ tự để hiển bày về tám độ còn lại.

- Số câu: “Một là nhân đời trước hiện bày duyên, kinh chia Tụng hợp”.

Ở đây làm rõ phần văn xuôi là kinh, do dùng chỗ văn xuôi bổ sung cho phần lược nói về chỗ nghĩa cần nêu bày, tức tướng riêng nơi TựaLa.

Nói “Kinh chia, Tụng hợp”: Nhân từ trước tức hiển bày về chỗ sâu rộng của Nhân ở trước. Hiện rõ duyên, tức phần Phong Luân duy trì Hương Hải v.v... đã nêu ở trước. Hai phần này là làm rõ về tính chất chia. Còn “Tụng hợp” thì kệ tụng thứ nhất là chung. Nửa đầu là nói về Nhân từ trước, nửa sau là hiện bày về duyên. Kệ thứ hai, ba câu đầu là nói về Nhân từ trước, câu thứ tư là hiện bày về duyên.

- Số câu: “Hai là, chỗ thành tựu nơi tướng của Quả, kinh thì tóm lược, Tụng thì mở rộng”: Phần văn xuôi viết: “Thế giới Hải Hoa Tạng trụ ở trong đó”, tức là chỗ thành tựu nơi Tướng của Quả. Văn ở đây là tóm lược. Do nơi nội dung của mười kệ đều có nói về Tướng của Quả, nên gọi là “Tụng thì mở rộng”.

- Số câu: “Ba là, Duyên hiện bày tức Phong Luân thì kinh mở rộng. Tụng tóm lược. Nơi kinh đã nêu ra mười thứ Phong Luân. Trong phần kệ thì chỉ nói: “Lực của Phong Luân với chỗ được duy trì không dao động”.



- Số câu: “Bốn là núi, đất, biển, cây, Kinh có nói đến, Tụng thì không”

Phần văn xuôi viết: “Núi Kim Cang Luân lớp lớp vây quanh. Đất đai, biển rộng, các thứ cây cối đều có từng khu vực phân biệt”. Ở đây là kinh đã có nói tới. Phần tụng không nói đến, có thể nhận biết.

Trên “Nói có bốn”, tức là bốn sự đối chiếu, chỉ là một thứ tóm lược, mở rộng, nên thành một cặp. Chia hợp, có không, nên chỉ thành một sự đối chiếu. Như thành cặp (đối) thì phải là kinh hợp, Tụng chia, kinh không, Tụng có, mới thành ba đối. Bốn sự đối chiếu còn lại là hai đối, trong đó thì không, nhưng phần Tụng tiếp theo thì có.

- Số câu: “Là biên vực của Vô biên chẳng ngăn ngại Lý, mà tức là Sự”: Ý nhằm nêu rõ Lý không có phân hạn nên gọi chung là Vô biên. Sự thì có phân hạn nên gọi là Hữu biên. Nếu Lý thành Sự thì tánh của Lý hoàn toàn Ẩn giấu, thì Vô biên tức là Biên vực. Nếu hợp Sự quay về Lý thì tướng của Sự hoàn toàn mất, thì biên vực tức là Vô biên. Nay thì chẳng phải thế. Chẳng mất Lý mà Sự hiển bày, gọi là Biên vực của Vô biên. Không hủy hoại Sự mà Lý hiển hiện, thì gọi là Vô biên của Biên vực. Đây là nghĩa “Sự Lý vô ngại”, chẳng phải là Tương Tức. Nghĩa về Tương tác theo đây mà suy xét.

- Số từ câu: “Chỉ gọi là các thứ trang nghiêm” tiếp xuống: Câu này hơi dài, nên nhắc lại chỗ giải thích: “Tức từ các thứ vật dụng để trang nghiêm tiếp xuống là câu thứ chín. Ngọc báu Ma Ni tiếp xuống đều là câu thứ mười.

- Số câu: “Dựa theo chủng loại của cõi tiếp dưới cùng trong Phạm bản đều có mười chẳng thể nói”: Do trong một Hải giữ lấy mười Hải, mà Hải ấy đều nêu bày theo một đường, nên tóm kết có “Số lượng Hương thủy Hải nhiều như số vi trần trong các cõi Phật không thể nói hết. Mười đường đều như vậy. Cho nên một chủng loại của một Hải có mười “chẳng thể nói”.

Nói “Phần dưới nêu về chủng loại, nơi chốn cũng thế”: Phần nêu lên nói: “Các Phật tử! Trong số Hương Thủy Hải nhiều như số vi trần nơi số cõi Phật chẳng thể nói ấy có số chủng loại thế giới nhiều như số vi trần nơi số lượng cõi Phật chẳng thể nói...”

**Giải thích:** Đây tức là nêu về chủng loại, nơi chốn, không có chữ “Mười”, cũng đối chiếu kết hợp để có.

- Số câu: “Phân-đà-lợi tức là Hoa sen trắng”: Đây là theo cách phiên dịch của Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang (602-664) cùng các vị đại sư mà nói. Câu “Cũng là chính lúc hoa nở”: Tức là ý của pháp sư La



Thập, đại sư Tăng Duệ nơi bài Tựa của bản dịch kinh Pháp Hoa đã viết: “Hoa có tên gọi khác nhau của ba thời. Hoa lúc chưa nở gọi là Quật-ma-la. Tàn tạ sắp rơi rụng gọi là Ca-ma-la. Vào lúc nở ra đẹp đẽ, tròn vẹn nhất thì gọi là Phân-đà-lợi”.

Đại sư Đạo Sinh cũng nói: “Dáng sắc tươi đẹp không gì hơn hoa sen. Cái đẹp nhất của hoa sen là ở chỗ mới nở ra. Thời điểm tròn vẹn, đầy đủ nhất của hoa mới nở thì hạt giống đủ đầy trong sự viên mãn của sắc, hương, vị. Là Hoa Phân đà Lợi trong các loại hoa”. Về ý cũng giống như trên. Nay giữ lại hai cách dịch đều là một nghĩa. Vì chữ Phạm vốn hàm chứa nhiều nghĩa nên cùng giữ lại cả hai.

- Sở câu: “Tức tùy nơi mỗi mỗi tâm, đồng thời tương ứng với công đức tràn trề”: Biển lớn đã dụ cho Tạng Thức, biển nhỏ lại biểu thị cho chủng tử. Cả hai đều là Tâm vương. Sông thì biểu thị cho Tâm đồng thời. Đó là pháp Thiện nơi mười một Tâm Sở Biển Hành và hai pháp trong Tâm sở Biệt cảnh. Là ngàn dòng sông phước đức tràn trề nơi cõi Tâm.

- Sở từ câu: “Sự việc trang nghiêm trong chỗ trang nghiêm đều không sai biệt”: Là giải thích về phần thứ hai, biện luận về sự trang nghiêm. Văn nơi bản Sở giải gồm hai:

Một: Giải thích tóm lược.

Hai: Tóm kết về mười câu. Có thể nhận biết.

Nay, trước là nêu ra mười câu, sau là chỉ rõ cách giải thích riêng.

Mười câu là:

Một: Thể của bờ bến (giải thoát) là kim cương.

Hai: Từ câu “Ánh sáng thanh tịnh” tiếp xuống: Là ngọc ma ni trang nghiêm nơi bờ bến ấy.

Ba: Từ câu: “Thường hiện bày” tiếp xuống: Là hiện bày màu sắc hào quang của Phật.

Bốn: Từ câu: “Cùng những” tiếp xuống: Là phát ra âm thanh cùng loại.

Năm Từ câu: “Sông kia” tiếp xuống: Hiện ra hình ảnh dòng nước cuộn cuộn, quanh co.

Sáu: Từ câu: “Ngọc ma ni” tiếp xuống: Là lưới chuông rung giăng phủ.

Bảy: Từ câu: “Các thế giới” tiếp xuống: Là hiển bày chung về nhiều thứ trang nghiêm.

Tám: Từ câu: “Mây ma ni báu” tiếp xuống: Là mây báu phủ khắp bên trên.

Chín: Từ câu: “Lại phát ra âm thanh vi diệu” tiếp xuống: Là liên tục phát ra âm thanh vi diệu.

Mười: Từ câu: “Nước hương thơm kia” tiếp xuống: Là từ nước vọt lên vô số ánh sáng.

Do văn dễ nhận biết nên phần văn xuôi không dẫn ra, chỉ trong phần kệ thì mới nêu đầy đủ.

Nay, chỉ rõ phần giải thích tóm lược: Văn nơi bản Số giải nói “Thế báu” là câu thứ nhất. Trang nhiệm bằng vật báu là câu thứ hai. Chỗ tập hợp những sự hành hóa của bậc Thánh linh, tức là câu ba, bốn, năm. Vô số ánh sáng cùng phản chiếu, soi tỏ là câu sáu, tám. Cùng với mười vạn hình tượng hiện lên sáng rõ là hai câu bảy, chín.

- Số câu: “Như rừng lá kiếm”: Tức cây cối nơi rừng ấy có lá giống như đao kiếm. Phần tiếp theo là kể bị quả báo của nghiệp ác.

Nói “Như cây Thiên ý”: Tức nơi kinh đại Bát Niết Bàn quyển thứ ba, trong bốn mươi hai câu hỏi của Bồ tát Ca Diếp, đó là câu hỏi hai mươi bốn: “Làm thế nào để xem cây Tam bảo cũng như cây Thiên ý? “Gọi là cây Thiên ý, là tùy theo ý của chư thiên mà chuyển biến theo. Đến quyển thứ chín mới bắt đầu đáp lại câu hỏi này. Kinh viết: “Lại nữa, Thiện nam! Như cây Am La cùng cây Diêm Phù, một năm có ba lần biến đổi. Có lúa sinh hoa màu sắc tươi đẹp, rực rỡ. Có khi sinh lá um tùm, xanh tốt. Có lúc thì tàn rụng giống như chết khô. Nay Thiện nam! Ý ông thế nào, câu ấy có thật là khô chết chẳng? Thưa Thế Tôn! Cây ấy không phải chết. Nay Thiện nam! Như Lai cũng như vậy. Ở trong ba cõi thị hiện ba thứ thân, có lúc mới sinh, có thời kỳ trưởng thành, có thời kỳ nhập Niết-bàn. Nhưng thân của Như Lai thật sự chẳng phải là vô thường”.

**Giải thích:** Ý nhằm nêu rõ Tam bảo tùy theo muôn loài mà có sự chuyển biến, nhưng thật sự là thường còn. Như cây Thiên ý tùy theo ý của chư Thiên mà chuyển biến, nhưng thật sự không chết. “Tùy theo ý của chư Thiên” nêu rõ là nghiệp thiện.

- Nói “Rừng nam nữ”, tức nơi kinh Lăng Già, nơi câu hỏi thứ một trăm lẻ sáu của Bồ tát Đạo Tuệ: “Thế nào là Rừng nam nữ?” Câu hỏi thứ nhất trăm lẻ bảy là: “Thế nào là rừng Ha-lê-lặc, rừng A-ma-lặc?”

**Giải thích:** Nghĩa là khiến người tu tập xem thế gian như Rừng nam nữ. Dựa nơi Luận Lập Thế A-Tỳ-đàm, quyển thứ nhất nói: “Ngoài rừng Diêm-phù-đề có hai rừng: Một gọi là Ha-lê-lặc, hai tên là A-ma-lặc. Phía sau hai rừng này lại có bảy khu rừng, trong đó có Rừng người. Trong “Rừng người” ấy, hình tướng của quả giống như người. Như chủng

tộc vua chúa, Thánh nhân nơi cõi Diêm-phù-đề; nếu là nam thì mười sáu tuổi, nữ thì mười lăm tuổi, khỏe mạnh, đẹp đẽ, đúng tuổi lấy vợ gả chồng. Quả nơi Rừng người kia đáng yêu mến cũng giống như thế. Nơi núp quả kia hình giống như búi tóc trên đầu người. Người chưa lia dục, khi nhìn thấy quả ấy liền sinh tâm ái dục. Các hàng ngoại đạo có người đã lia dục, nếu trông thấy quả này liền mất hết thiền định, tâm ái dục phát sinh trở lại. Quả ấy khi chín thì chỉ có chim tranh nhau ăn. Phần chim ăn còn dư rơi rớt xuống đất, như nơi rừng Thi đà hết sức đáng chán ghét. Những người đã bị mất thiền định, trông thấy hình tướng kia thì từ nơi tâm tâm phát sinh sự chán lia, trở lại đạt được định như trước.

Ý nhằm biểu thị cho hàng nam nữ ở thế gian, cũng như Rừng với chỗ thấy là xanh tốt, sâu uất, thấy đều như huyễn ảo, cùng với sự việc này không khác. Do “Biến kế sở chấp” vọng tưởng cho là thật. Chư Bồ tát quán các pháp ấy đều không có thật. Cho nên kinh Lăng Già có đoạn: “Xem các chúng sinh như thấy người chết, không còn tri giác”. Do vọng tưởng nên thấy có vắng lai. Nếu lia bỏ vọng tưởng, thì như thân chết kia không có ma nhập vào, gọi là tự tại.

Có kinh nói rằng: “Bồ tát với sự nhận thấy về tài sản nơi thế gian không trái với thật tướng”, chính là ở nghĩa nêu trên.

- Sở câu: “Ba kệ sau là tóm kết về chỗ tạo nhân của sự trang nghiêm”: Văn nơi bản Sở giải gồm ba phần:

Một: Biện minh chung.

Hai: Từ câu: “Nhưng ba kệ này” tiếp xuống: Là giải thích riêng.

Ba: Từ câu: “Mới hiển bày sự trang nghiêm của Hoa Tạng” tiếp xuống: Là kết luận, tán thán.

Trong phần Hai, chỉ rõ về tướng khó nghĩ bàn, gồm có sáu lớp. Trong sáu lớp đều chung một kệ mà đều chọn lời trong một câu. Lại nữa, bốn câu ấy đều là một nghĩa. Như nơi kệ thứ nhất thì câu đầu nói về cảnh giới của đối tượng được hiện bày. Câu bốn là nhân của chủ thể hiện bày. Phần tiếp dưới là hai sự so sánh.

Tuy nhiên, về lớp thứ nhất nhận định về chỗ hiện bày, thể hiện bày về ba thế gian. Nay đều nêu lên một nên gọi là tóm lược. Chẳng phải chỉ là nghĩa này mà cả sáu lớp đều tóm lược.

- Sở từ câu: “Lại như, một biện minh về một quả có thể hiện bày” tiếp xuống: Là lớp thứ hai, căn cứ nơi xứ hiện có để nêu rõ, kệ đầu là câu thứ hai, hai kệ sau đều là câu thứ nhất.

- Sở từ câu: “Lại nữa, đầu tiên là biện minh về Phật lực” tiếp xuống: Là lớp thứ ba, căn cứ nơi nhân sai biệt của chủ thể hiện bày,

cùng làm rõ một nhân, đều là câu thứ tư.

- Số câu: “Hơn nữa, trước là Quả, sau là Nhân, Nguyên thì chung cả Nhân, Quả”: Là lớp thứ tư, cũng căn cứ nơi Nhân hiện có để biện minh về chỗ khác nhau. Giải thích lần nữa về câu thứ tư mà căn cứ nơi Nhân Quả chẳng đồng.

- Số từ câu: “Lại nữa, trước là Sự, sau là Tha” tiếp xuống: Là lớp thứ năm, cũng căn cứ nơi Nhân của chủ thể hiện bày, câu cũng là câu thứ tư, căn cứ nơi tự lợi, lợi tha chẳng giống nhau.

- Số từ câu: “Thứ nhất là biện minh tức Tánh Vô tánh gốc của thể là chẳng sinh” tiếp xuống: Là lớp thứ sáu, căn cứ nơi tánh tướng của đối tượng được hiện bày để làm rõ chỗ sai biệt. Ba kệ đều là câu thứ ba, do cùng thấy chỗ chẳng đồng nơi Thể đồng không đến đi. Một nghĩa này lại cần được giải thích, nghĩa là, nếu thuận theo cách giải thích trên, đã từ nơi Nhân của Phật lực v.v... Thể của đối tượng được hiện bày tức không sinh.

Hai là câu này cũng là chủ thể hiện bày. Do Thể là không sinh nên hiện bày mà không thể nắm giữ. Xứng hợp với Tánh mà đến nên là không đến, đi. Tùy theo cơ duyên Ẩn giấu, hiển bày nên đều thấy chẳng giống nhau.

- Số câu: “Dùng Nhân đối chiếu với Quả nên thành bốn câu”: Văn nơi bản Số giải chỉ nêu ra hai câu (câu một, hai). Câu ba là một nhân một quả. Văn giải thích đã dùng. Câu bốn là nhiều nhân nhiều quả, tùy chỗ tu tập một Hạnh mà không đức nào là không tiếp cận. Quảng diễn như nơi Phẩm Vấn Minh cùng Phẩm Lên Cõi Trời Đâu-suất. Bốn câu cùng dung thông nên mỗi mỗi đều khó nghĩ bàn.

- Số câu: “Năm tướng của Quả trang nghiêm, một là khiến chu cấp nhiều cho tất cả”: Kệ thứ tư nói về tất cả Sát Hải (vô số cõi) hàm chứa sự biến hiện khắp là khiến chu cấp cho kẻ khác. Trong kệ thứ hai không hề có sự dừng nghỉ tạm thời. Trong kệ thứ ba luôn nghe thấy là khiến được Thường. Trong kệ thứ ba, âm thanh vi diệu kia là khiến được diệu. Nơi kệ thứ mười không gì hơn, không sinh, không có tướng là xứng hợp với Tánh. Kệ thứ tám, có thể ở trong tất cả vi trần, hiện bày khắp thân kia nơi các cõi thanh tịnh. Kệ thứ chín rong một Sát na thấy có thể hiện bày, đều tự tại.

- Số câu: “Nửa sau thì Bi ứng hợp, là nghiêm trang của Không”: Tức là Tha Thọ dụng cùng với cõi Biến Hóa thanh tịnh. Trong một kệ bốn cõi gồm đủ.

- Số từ câu: “Nêu lên hai chương, nghĩa là chủng loại cùng với

Cõi” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải gồm ba:

Một: Nêu tên gọi, giải thích chung.

Hai: Từ câu “Nhằm làm rõ về thế giới” tiếp xuống: Là cùng hiển bày về danh tướng.

Ba: Từ câu “Nhưng nói thế giới vô biên” tiếp xuống: Là đối với vấn nạn để giải thích, thông tỏ. Phần này gồm hai:

Một là, Thông tỏ vấn nạn về thế giới vô biên.

Hai là, Từ câu: “Như thế là chủng loại” tiếp xuống: Là giải thích vấn nạn về chủng loại là không Thể tánh.

Từ câu “Tuy dựa nơi chủng loại” tiếp xuống: Là giải thích, thông tỏ. Phần này có hai:

Một: Chính thức giải thích.

Hai: Tóm kết, xác nhận.

Một: Trước là hình thành về Hải nên chọn lấy chủng loại, lược không nói về thể riêng. Nay nêu dụ riêng về các lỗ ra vào nơi thân cây của con ong để làm rõ là có Thể tánh. Các lỗ trống để ong ra vào như Cõi, một lỗ nơi thân cây ấy như chủng loại, tức hiển bày về cá, Rồng nên thành phần dụ.

- Sở từ câu: “Tức dựa nơi nghĩa sau” tiếp xuống: Là phần hai, tóm kết, xác nhận. Văn nơi bản Sở giải phân làm hai:

Một: Hợp cùng với Tấn kinh (kinh Hoa Nghiêm, bản dịch vào đời Đông Tấn) để xác nhận nghĩa chủng tánh. Chủng có hai nghĩa: Một là Loại, hai là Tánh, dùng cây lúa dụ cho chủng, dùng hạt gạo dụ cho Cõi. Cây lúa có thể sinh ra lúa gạo nên có nghĩa là Tánh.

Hai: Từ câu: “Do sợ lẫn lộn về Thể Tánh” tiếp xuống: Là làm rõ ý của kinh hiện nay (bản dịch vào đời Đường), cũng là nhằm thông tỏ chỗ vấn nạn. Vấn nạn nêu: “Nếu có nghĩa của Chủng phát sinh thì sao chẳng dựa theo kiến giải đã có từ trước là Tánh của Thế giới?” Nên ở đây cần được thông tỏ: Tức “Chủng” thì gồm hai nghĩa. Nay kinh đã giữ lại.

- Sở từ câu: “Nay nói về phần một, rõ ràng là mười môn này có sự khác biệt nơi chủng loại của cõi” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải phân làm bốn:

Một: Hiển bày chỗ nương dựa của chủng loại.

Hai: Đối chiếu với trước để giải thích, dung hợp.

Ba: Theo văn để giải thích.

Bốn: Chỉ rõ riêng về nghĩa nơi môn.

- Sở từ câu: “Đối tượng được nêu bày là mười sự” tiếp xuống: Là

phần hai đối chiếu với trước để giải thích, dung hợp. Phần này cũng gồm bốn:

Một là: Hiển bày chung về chỗ chẳng giống nhau.

Hai là: Từ câu: “Nếu cùng đối chiếu từng phần riêng” tiếp xuống: Là nêu ra chỗ đồng, dị.

Ba là: Từ câu: “Đều hiển bày về mười” tiếp xuống: Là làm sáng rõ lý do của sự hỗ tương.

Bốn là: Từ câu: “Do đâu mà dấy khởi đầy đủ? Trước Có đây Không” tiếp xuống: Là lặp lại câu hỏi. Giải thích về sự thành tựu nơi bậc Thánh tức là nêu câu hỏi. Ý của câu hỏi cho rằng: “Một chủng loại dấy khởi đủ cùng năm câu, đây Không trước Có. Phương, Sở cùng với năm câu thì đây Có trước Không”.

Từ câu: “Đoạn trước là biện minh chung” tiếp xuống: Là phần giải đáp. Trong phần đáp, đối hợp với trên để nhắc lại câu hỏi về “Dấy khởi đầy đủ”. Nhưng nơi đoạn tiếp theo tóm kết: “Phần còn lại có thể theo đấy mà suy xét”. Tức là tóm kết, đối chiếu với bốn phần khác, chỉ dùng câu “Những gì là Thế giới trụ” để thông tỏ chung về phần về năm vấn nạn. Kiếp trụ tức là Quả dấy khởi đầy đủ, là Nhân. Chỗ chung ở đây dễ lãnh hội. Bốn phần còn lại cũng như vấn nạn. Nghĩa là, Phật thanh tịnh xuất hiện nơi kiếp trụ, chuyển biến, chính là tướng của Quả, chính thức biện giải về Quả trụ, sao cho có thể là hoàn toàn không? Nay cho là không, tức phương tiện thanh tịnh cũng là căn cứ nơi Nhân. Lại nữa, chẳng chung nơi nhiễm, nay thì chung cả nhiễm. Thêm nữa, chẳng nói nhân nơi thanh tịnh xuất hiện nơi kiếp trụ, chuyển biến, chính là tướng của Quả, chính thức biện giải về Quả trụ, sao cho có thể là hoàn toàn không? Nay cho là không, tức phương tiện thanh tịnh cũng là căn cứ nơi Nhân. Lại nữa, chẳng chung nơi nhiễm, nay thì chung cả nhiễm. Thêm nữa, chẳng nói nhân nơi Phật trụ là căn cứ theo người, nay ở đây biện giải về cõi nên cũng cho là không. Kiếp trụ, chuyển biến, hai điều này là biện minh theo chiều dọc (Thời gian). Nay gọi là “Hiện trụ”, cũng chẳng phải là điều thiết yếu, nên lược bớt không nêu ra.

- Số từ câu: “Tuy nhiên, cùng với trước là đồng” tiếp xuống: Là phần ba theo văn để giải thích riêng. Chính là giải thích năm câu.

Nói “Như phương, sở viên mãn”: Giải thích năm câu ấy đều là ý ở trong mười tám thứ viên mãn. Phần tiếp dưới sẽ biện minh. Ở đấy mỗi câu đều có hai nghĩa. Hai nghĩa của Phương, Sở: Thì Phương Sở viên mãn tức là Tự Thọ dụng. Tức Phương Sở như trên đã dẫn Luận Duy Thức để biện minh về Tướng của cõi Tự Thọ dụng. Phương Sở tùy nghi,

tức là Tha Thọ dụng cùng với cõi Biến Hóa thanh tịnh.

Nhưng dựa nơi mười tám thứ viên mãn của Phật địa thì chỉ căn cứ vào Tha Thọ dụng mà nói. Nay căn cứ theo tính chất viên thông nên cùng hội nhập nơi Tự Thọ dụng bao quát cả phần biến hóa tiếp theo.

- Sở câu: “Dựa nơi môn để hướng tới chỗ hội nhập”: Kia đã có môn sự tức như vừa nêu bày.

Hai là căn cứ nơi Pháp làm môn, nay chỉ ra môn này.

Câu: “Lại nữa, hỗ tương để hiện bày về hội nhập”: Là căn cứ theo Tông này để biện giải về nghĩa của môn, đều như phần tiếp theo đã nêu. Sách “Giáo Nghĩa Phân Tề” phân làm hai: Phương Sở tùy nghi tức là Tha Thọ dụng. Căn cứ nơi Phật tức cõi Tự Thọ dụng. Thứ lớp bày biện cùng với phần Gia trì thứ mười đều căn cứ nơi Sự, Pháp mà phân làm hai.

Hỏi: “Phương Sở viên mãn” cho rằng không nơi chốn nào mà không hiện hữu. Còn “Phân Tề viên mãn” thì mười phương không biên cực, hai tướng khác nhau ra sao?

Đáp: Nếu nhận biết về Phương Sở tùy nghi, Phân Tề tùy nghi, tức rõ hai tướng viên mãn chẳng đồng. Nghĩa là, về Phương Sở tùy nghi, thì cõi Tịnh này, ở trong mười phương là tại phương nào? Như Cực Lạc là ở phương Tây, Diệu Hỷ là ở phương Đông v.v... Nói “Phân Tề” thì cõi Tịnh này rộng hẹp ra sao? Hoặc cùng một với thế giới Sa bà, hoặc cùng với trăm ngàn là “Phân Tề”. Như vậy là Phương Sở viên mãn nêu rõ không nơi chốn nào là chẳng hiện hữu, tức biến hiện khắp nơi tất cả xứ. Còn Phân Tề gọi là mười phương không biên cực, tức là dung lượng trùm khắp Pháp giới.

